

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 / 2016**

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Phú Hiểu	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính. Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



**Vũ Văn Cảnh**  
**Giám đốc**

Ngày 20 tháng 4 năm 2016.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016.

MẪU SỐ B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2016	01/01/2016
<b>A Tài sản ngắn hạn ( 100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>1,842,660,441,939</b>	<b>1,703,846,776,767</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>495,033,952,552</b>	<b>1,043,069,462,202</b>
1. Tiền	111		429,733,952,552	67,411,912,269
2. Các khoản tương đương tiền	112		65,300,000,000	975,657,549,933
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>820,775,000,000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		820,775,000,000	
<b>III. Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>218,944,302,632</b>	<b>189,082,802,889</b>
1. Phải thu khách hàng	131	<b>6</b>	29,608,769,371	19,629,420,092
2. Trả trước cho người bán	132	<b>7</b>	180,263,486,439	159,789,484,589
3. Các khoản phải thu khác	133		9,072,046,822	9,663,898,208
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>307,907,186,755</b>	<b>468,483,639,941</b>
1. Hàng tồn kho	141		309,223,650,572	469,800,103,758
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(1,316,463,817)	(1,316,463,817)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	<b>3,210,871,735</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			3,210,871,735
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153			
<b>B Tài sản dài hạn ( 200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>1,268,928,520,340</b>	<b>1,061,001,447,514</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6,998,221,440</b>	<b>7,055,162,263</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>9</b>	6,998,221,440	7,055,162,263
- Nguyên giá	222		8,307,479,215	8,101,880,800
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1,309,257,775)	(1,046,718,537)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1,261,888,652,384</b>	<b>1,053,888,652,384</b>
1. Đầu tư góp vốn vào công ty con	251	<b>10</b>	478,950,000,000	478,950,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	<b>11</b>	786,322,400,000	578,322,400,000
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3,383,747,616)	(3,383,747,616)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>41,646,516</b>	<b>57,632,867</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		41,646,516	57,632,867
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN ( 270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>3,111,588,962,279</b>	<b>2,764,848,224,281</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** (Tiếp theo)


Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2016	01/01/2016
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300=310)	<b>300</b>		<b>403.415.654.980</b>	<b>149.578.981.975</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>403.415.654.980</b>	<b>149.578.981.975</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	12	377.300.000	
3. Người mua trả tiền trước	313	13	16.300.319.999	17.724.239.220
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		15.511.025.214	374.842.534
6. Chi phí phải trả	316			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	362.076.460.550	47.246.460.550
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		733.845.935	811.736.389
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321			75.000.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.416.703.282	8.421.703.282
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B. NGUỒN VỐN</b> (400=410+430)	<b>400</b>		<b>2.708.173.307.299</b>	<b>2.615.269.242.306</b>
<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	15	<b>2.708.173.307.299</b>	<b>2.615.269.242.306</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.330.904.280.000	2.330.904.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			2.330.904.280.000	2.330.904.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		124.488.702.500	124.532.011.543
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	413		19.572.915.034	19.572.915.034
4. Quỹ đầu tư phát triển	414			
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	415		233.207.409.765	140.260.035.729
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước			140.260.035.729	22.140.446.573
- LNST chưa phân phối kỳ này			92.947.374.036	118.119.589.156
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN ( 440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>3.111.588.962.279</b>	<b>2.764.848.224.281</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	31/03/2016	01/01/2016
1. Ngoại tệ các loại (USD)	1583,07	1583,07

  
\_\_\_\_\_  
Hồ Thị Xuân Hòa  
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 4 năm 2016.

  
\_\_\_\_\_  
Hồ Thị Xuân Hòa  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc

**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 Năm 2016	Quý 1 Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	305.594.404.544	378.368.233.696
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		305.594.404.544	378.368.233.696
4. Giá vốn hàng bán	11	17	257.026.722.077	317.721.110.888
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		48.567.682.467	60.647.122.808
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	50.719.844.527	5.113.440.330
7. Chi phí tài chính	22	19	565.783.800	1.575.129.410
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		487.500.000	983.055.555
8. Chi phí bán hàng	24		1.012.390.039	1.164.675.146
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.248.645.689	4.139.252.379
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		96.460.707.466	58.881.506.203
11. Thu nhập khác	31		170.000.000	
12. Chi phí khác	32		917.239.694	
13. Lợi nhuận khác	40		(747.239.694)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		95.713.467.772	58.881.506.203
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.766.093.736	1.420.243.442
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		92.947.374.036	57.461.262.761

Hồ Thị Xuân Hòa  
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 4 năm 2016.

Hồ Thị Xuân Hòa  
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

MÃ SỐ B 03a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 1 Năm 2016	Quý 1 Năm 2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>95.713.467.772</i>	<i>58.881.506.203</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	262.539.238	189.319.525
Các khoản dự phòng	03	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cá khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(50.719.153.349)	(4.644.652.766)
Chi phí lãi vay	06	487.500.000	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>45.744.353.661</i>	<i>54.426.172.962</i>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(26.650.628.008)	9.674.950.789
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	160.576.453.186	(134.075.325.360)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	328.334.353.381	(87.712.936.055)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	15.986.351	(38.147.104)
Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(487.500.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.254.842.534)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	203.779.733.018
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(43.309.043)	(129.071.417.355)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>505.234.866.994</i>	<i>(83.016.969.105)</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(205.598.415)	(598.305.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(820.775.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(208.000.000.000)	(519.610.652.614)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	50.719.153.349	4.644.652.766
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(978.261.445.066)</i>	<i>(515.564.305.303)</i>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016

MẪU SỐ B 03a-DN  
Đơn vị: VND

**III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	420.088.851.558
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(75.000.000.000)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(8.931.578)	
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(75.008.931.578)</b>	<b>420.088.851.558</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(548.035.509.650)</b>	<b>(178.492.422.850)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.043.069.462.202</b>	<b>506.580.539.574</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>495.033.952.552</b>	<b>328.088.116.724</b>

Hồ Thị Xuân Hòa  
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 4 năm 2016.

Hồ Thị Xuân Hòa  
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần 1 ngày 30/05/2008, thay đổi lần 2 ngày 25/12/2008, thay đổi lần 3 ngày 07/05/2009, thay đổi lần 4 ngày 12/11/2010; thay đổi lần 5 ngày 28/03/2011; thay đổi lần thứ 6 ngày 10/07/2012; thay đổi lần thứ 7 ngày 13/09/2012; thay đổi lần thứ 8 ngày 22/07/2013; lần thứ 9 ngày 20/10/2014, lần thứ 10 ngày 20/4/2015, lần thứ 11 ngày 3/12/2015.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 là: 2.330.904.280.000 đồng.

Tại ngày 31/03/2016, Công ty có công ty con là Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **Các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy có cổ đông lớn, thành viên HĐQT, ban giám đốc đồng thời là cổ đông, thành viên hội đồng quản trị của Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy
- Công ty sở hữu 99,78% cổ phần của Công ty cổ phần phát triển Dịch vụ Hoàng Giang, do đó Công ty Cổ phần phát triển Dịch vụ Hoàng Giang là bên liên quan.
- Các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị.

## **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

### **Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp



dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 31/03/2016.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Bất lợi thế thương mại**

Bất lợi thế thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Công cụ tài chính**

#### ***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: giá thực tế đích danh. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo chính sách kế toán của Công ty: linh kiện chậm luân chuyển từ 12 tháng đến 18 tháng trích lập dự phòng 40%, từ 18 tháng trích lập dự phòng 70%.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 10

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông, Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

#### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### *Dự phòng bảo hành:*

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, chi phí bảo hành sản phẩm của Công ty phát sinh không đáng kể. Từ ngày 01/01/2015, Ban Giám đốc Công ty quyết định thực hiện trích lập dự phòng chi phí bảo hành với tỷ lệ 0,1%/doanh thu.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh



doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật”. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế và tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền (*)	429.733.952.552	67.411.912.269
Các khoản tương đương tiền (**)	65.300.000.000	975.657.549.933
<b>Cộng</b>	<b>495.033.952.552</b>	<b>1.043.069.462.202</b>

(\*): Số cuối kỳ đã bao gồm 315 tỷ đồng là tiền tạm phong tỏa thu được do phát hành cổ phiếu theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/02/2016.

(\*\*): Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

#### 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	820.775.000.000	820.775.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>820.775.000.000</b>	<b>820.775.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

#### 6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các đại lý	28.491.769.371	19.629.420.092
Khách lẻ	1.117.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>29.608.769.371</b>	<b>19.629.420.092</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/03/2016		01/01/2016	
	USD	VNĐ	USD	VNĐ
Dongfeng motor Co ., Ltd	7,666,241	172,589,135,339	6,340,661	142,740,308,239
Jinan sinoauto heavy duty truck sales Co.,Ltd	321,300	7,244,351,100	321,300	7,244,351,100
Doanh nghiệp trong nước		430,000,000		9,804,825,250
<b>Cộng</b>	<b>7,987,541</b>	<b>180,263,486,439</b>	<b>6,661,961</b>	<b>159,789,484,589</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	175.831.487.773		57.158.862.779	
Thành phẩm	49.241.848.100		40.597.106.418	
Hàng hóa	84.150.314.699	1.316.463.817	115.880.778.299	1.316.463.817
Hàng gửi bán			256.163.356.262	
<b>Cộng</b>	<b>309.223.650.572</b>	<b>1.316.463.817</b>	<b>469.800.103.758</b>	<b>1.316.463.817</b>

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			-
<b>Tại 01/01/2016</b>	<b>7.758.664.002</b>	<b>343.216.798</b>	<b>8.101.880.800</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>205.598.415</b>	-	<b>205.598.415</b>
Mua trong năm	205.598.415	-	205.598.415
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán		-	-
<b>Tại 31/03/2016</b>	<b>7.964.262.417</b>	<b>343.216.798</b>	<b>8.307.479.215</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
<b>Tại 01/01/2016</b>	<b>803.414.816</b>	<b>243.303.721</b>	<b>1.046.718.537</b>
Khấu hao trong năm	257 889 238	4.650.000	262.539.238
Thanh lý, nhượng bán			-
<b>Tại 31/03/2016</b>	<b>1.061.304.054</b>	<b>247.953.721</b>	<b>1.309.257.775</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại 01/01/2016</b>	<b>6.955.249.186</b>	<b>99.913.077</b>	<b>7.055.162.263</b>
<b>Tại 31/03/2016</b>	<b>6.902.958.363</b>	<b>95.263.077</b>	<b>6.998.221.440</b>

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	478.950.000.000	478.950.000.000
<b>Cộng</b>	<b>478.950.000.000</b>	<b>478.950.000.000</b>

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết %</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Huyện An Dương Thành phố Hải Phòng	99.78	99.78	Kinh doanh ô tô

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT**

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	262.522.400.000	262.522.400.000
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam (*)	288.000.000.000	80.000.000.000
Công ty CP đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Trường Giang	135.800.000.000	135.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>786.322.400.000</b>	<b>578.322.400.000</b>

**Thông tin chi tiết đầu tư vào công ty liên doanh liên kết**

<u>Tên công ty liên doanh liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Quận Lê Chân Thành Phố Hải Phòng	48.00	48.00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	Quận Bình Thạnh TP Hồ Chí Minh	45.45	45.45	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	Quận Lê Chân Thành phố Hải Phòng	46.35	46.35	XD nhà các loại, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Huyện An Dương Thành Phố Hải Phòng	48.50	48.50	Kinh doanh linh kiện ô tô

Trong kỳ Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy nâng vốn góp từ 40% tại ngày 01/01/2016 lên 48% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0201322832 thay đổi lần 1 ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam .

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Doanh nghiệp trong nước	377.500.000	377.500.000		
<b>Cộng</b>	<b>377.500.000</b>	<b>377.500.000</b>	-	-

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các đại lý	16.016.319.999	17.143.589.220
Khách lẻ	284.000.000	580.650.000
<b>Cộng</b>	<b>16.300.319.999</b>	<b>17.724.239.220</b>

**14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Prukca International (*)	47.074.020.000	47.074.020.000
Phải trả khác	2.440.550	172.440.550
Thu tiền phát hành cổ phiếu	315.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>362.076.460.550</b>	<b>47.246.460.550</b>

(\*) Công ty TNHH Prukca International đã ứng trước 2,261,000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND) cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>573.642.410.000</b>	<b>14.116.236.000</b>	<b>12.780.251.000</b>	<b>146.969.868.807</b>	<b>747.508.765.807</b>
Tăng vốn trong năm	1.588.905.570.000	110.995.557.000	-	-	1.699.901.127.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	168.356.300.000	-	-	(168.356.300.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(168.359.798.000)	(168.359.798.000)
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	6.792.664.034	(6.792.664.034)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	336.800.928.956	336.800.928.956
Ảnh hưởng ghi nhận theo pp vốn chủ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(579.781.457)	-	(2.000.000)	(581.781.457)
<b>Tại 01/01/2016</b>	<b>2.330.904.280.000</b>	<b>124.532.011.543</b>	<b>19.572.915.034</b>	<b>140.260.035.729</b>	<b>2.615.269.242.306</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	92.947.374.036	92.947.374.036
Giảm khác	-	(43.309.043)	-	-	(43.309.043)
<b>Tại 31/03/2016</b>	<b>2.330.904.280.000</b>	<b>124.488.702.500</b>	<b>19.572.915.034</b>	<b>233.207.409.765</b>	<b>2.708.173.307.299</b>

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 2.330.904.280.000 đồng.



**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01 đến 31/03/2016	Từ 01/01 đến 31/03/2015
	VND	VND
Doanh thu cung cấp hàng hóa	305.574.545.454	378.244.044.734
Doanh thu cung cấp dịch vụ, linh kiện ô tô	19.859.090	124.188.962
<b>Cộng</b>	<b>305.594.404.544</b>	<b>378.368.233.696</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01 đến 31/03/2016	Từ 01/01 đến 31/03/2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	257.010.928.327	317.580.460.237
Giá vốn cung cấp dịch vụ, linh kiện ô tô	15.793.750	140.650.651
<b>Cộng</b>	<b>257.026.722.077</b>	<b>317.721.110.888</b>

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01 đến 31/03/2016	Từ 01/01 đến 31/03/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	12.403.844.527	4.644.652.766
Thu nhập về hoạt động góp vốn liên doanh	38.316.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	468.787.564
<b>Cộng</b>	<b>50.719.844.527</b>	<b>5.113.440.330</b>

**19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01 đến 31/03/2016	Từ 01/01 đến 31/03/2015
	VND	VND
Lãi vay phải trả	487.500.000	983.055.555
Chênh lệch tỷ giá	78.283.800	592.073.855
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>565.783.800</b>	<b>1.575.129.410</b>

**20. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	31/03/2016	01/01/2016
1. Ngoại tệ các loại (USD)	1583,07	1583,07

**21. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hoá cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam.  
Báo cáo bộ phận được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016 như sau:

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
<b>1. Doanh thu thuần</b>	<b>158.345.313.658</b>	<b>51.143.636.355</b>	<b>96.105.454.531</b>	<b>305.594.404.544</b>
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	158.325.454.568	51.143.636.355	96.105.454.531	305.574.545.454
- Doanh thu dịch vụ, linh kiện	19.859.090			19.859.090
<b>2. Giá vốn</b>	<b>128.313.989.810</b>	<b>44.628.481.460</b>	<b>84.084.250.807</b>	<b>257.026.722.077</b>
- Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	128.298.196.060	44.628.481.460	84.084.250.807	257.010.928.327
- Giá vốn hoạt dịch vụ, linh kiện	15.793.750			15.793.750
<b>3. Lợi nhuận gộp</b>	<b>30.031.323.848</b>	<b>6.515.154.895</b>	<b>12.021.203.724</b>	<b>48.567.682.467</b>
- Bán hàng hóa, thành phẩm	30.027.258.508	6.515.154.895	12.021.203.724	48.563.617.127
- Cung cấp dịch vụ, linh kiện	4.065.340			4.065.340

## 22. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN LIÊN DOANH VỚI CÔNG TY TNHH PRUKSA INTERNATIONAL

Ngày 10/08/2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Prukisa International thành lập Công ty TNHH Prukisa Việt Nam để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng.

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000342 ngày 12/07/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng; tổng mức Đầu tư của dự án là 949.573.000.000 đồng (trong đó, vốn tự có là 277.998.000.000 đồng, vốn vay và vốn tự huy động là 672.575.000.000 đồng); chứng chỉ quy hoạch số 143/CCQH ngày 25/10/2010 do Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng cấp, theo đó, diện tích đất dự kiến sử dụng là 21,15 ha.

Ngày 02/01/2013, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 thành lập Công ty TNHH Prukisa Việt Nam, điều chỉnh lần thứ ngày 9/1/2016, theo đó vốn điều lệ hiện tại là 27.523.810 USD, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy sở hữu 46,35%.

Ngày 13/7/2015, UBND Tp. Hải Phòng đã cấp Quyết định số 1614/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án này do Công ty THNN Pruska Việt Nam là chủ đầu tư với tổng diện tích giao đất (đợt 1) là 20.014,3 m<sup>2</sup>. Tại thời cuối năm 2015, dự án đã chính thức bắt đầu bàn giao căn hộ của 8 block nhà 3 tầng hoàn thành đầu tiên.

Ngày 26/03/2016 Công ty đã chính thức bàn giao 200 căn hộ đầu tiên của Dự án cho khách hàng, và chuẩn bị triển khai đầu tư các cấu phần tiếp theo của Dự án.

## 23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

### Danh sách các bên liên quan

### Bản chất bên liên quan

Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	Cùng cổ đông lớn và thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Prukisa Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết

Trong kỳ Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

**Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016**  
VNĐ

<b>Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy</b> Mua hàng hoá dịch vụ	9.849.400.000
--	---------------

Số dư với các bên liên quan:

**31/03/2016**  
VNĐ

<b>Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy</b> Nợ tiền mua hàng chưa thanh toán	352.000.000
--	-------------

**24. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015 và Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán



**Hồ Thị Xuân Hòa**  
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 4 năm 2016.



**Hồ Thị Xuân Hòa**  
Kế toán trưởng



**Vũ Văn Cảnh**  
Giám đốc